

Số: 899/BC-THPH

Phìn Hồ, ngày 16 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH Phìn Hồ

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Đệ Tinh 2, xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 08966328298
- Trang thông tin điện tử: <https://thphinho.nampo.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Trường tiểu học Phìn Hồ là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện của huyện, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.
Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 97,1%

1.3. Chất lượng học sinh:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%;
- Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;
- Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

1.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường PTDTBT Tiểu học Phìn Hồ được chia tách từ trường từ trường TH Si Pa Phìn theo quyết định số 525/QĐ-UB ngày 05/06/2007 của UBND huyện Mường Chà. Tháng 10 năm 2014 trường được đổi tên thành trường PTDTBT TH Phìn Hồ theo QĐ số 1992/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ. Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Song tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường PTDTBT Tiểu học Phìn Hồ liên tục được Chủ tịch UBND xã công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025. Được chủ tịch tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và tặng bằng khen năm học 2018-2019, 2020-2021, 2021- 2022, 2022-2023. Năm học 2020 - 2021, nhà trường được công nhận là Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Hằng năm có trên 95% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 20% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, 15% cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Nguyễn Văn Quân
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ, Tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 08966328298
- Gmail: quandienbien1979@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số 525/QĐ-UB ngày 05/06/2007 của UBND huyện Mường Chà. Quyết định về việc chia tách, thành lập và đổi tên trường học.

- Quyết định số 1992/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ, về việc thành lập trường PTDTBT TH Phìn Hồ

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

- Quyết định số 1952/QĐ-UBND, ngày 09/10/2023 của UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ sung kiện toàn Hội đồng trường tiểu học nhiệm kỳ 2021-2026.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Nguyễn Văn Quân	BTCB, Hiệu trưởng	
2.	Nguyễn Viết Cường	Chủ tịch công đoàn	
3.	Đỗ Thị Mai Phương	TPTĐ	
4.	Hà Mạnh Tuấn	Bí thư đoàn TN	
5.	Hoàng Huyền Hải	Tổ trưởng tổ CM khối 1	
6.	Lò Thị Dung	Tổ trưởng tổ CM khối 2	
7.	Trần Thị Ngoan	Tổ trưởng tổ CM khối 3	
8.	Vì Thị Vân	Tổ trưởng tổ CM khối 4	
9.	Bùi Xuân Quý	Tổ trưởng tổ CM khối 5	
10.	Vàng A Dế	Phó CT UBND xã	
11.	Sùng A Vàng	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1 Kèm theo Quyết định 2343/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ. Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

+ Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 29 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Công đoàn có 32 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 266 đội viên và nhi đồng
- + Ban đại diện CMHS. 01 người
- + Các tổ chuyên môn: 5 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. - Quyết định số 1992/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ, về việc thành lập trường PTDTBT TH Phìn Hồ

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Văn Quân	Hiệu trưởng	0966328298	Quandienbien1979@gmail.com
2	Bùi Minh Dân	Phó hiệu trưởng	0838232000	Minhdan1978@gmail.com
3	Hoàng Thi Khánh Hoi	Phó hiệu trưởng	0378588200	hoihtk.thchanua.muongcha@dienbien.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 38 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	17	

2	Giáo viên TH hạng III	18	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	1	
2	Vị trí việc làm Thư viện	0	
3	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
4	Vị trí việc làm Kế toán	1	
5	Vị trí việc làm Văn thư	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	3	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có 1 điểm trường chính và 6 điểm trường lẻ với tổng diện tích là 4490 m²/626 học sinh, trung bình đạt 8,6m²/học sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

- CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ

bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

- Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo. Phòng Tin học có tổng số 20 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

- Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

- Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

- Sách Pháp luật gồm: có 152 đầu sách, 296 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

- Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

* Đánh giá theo từng tiêu chí

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	-
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	-
Tiêu chí 3.4		X	X	-

Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	-
Tiêu chí 4.2		X	X	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	-
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

* Nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường đạt chuẩn mức độ 1 theo Quyết định số 1841/QĐ-SGDĐT, ngày 20/4/2021.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2024 – 2025 nhà trường có tổng số **624** học sinh, số học sinh nữ là 306 em chiếm 49,%. Có **23** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 27 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 96,4% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 624/624 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp
(Theo thông tư 27/2020)

	TSHS có KQĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TSHS có KQĐG	Nữ	TSHS có KQĐG	Nữ	TSHS có KQĐG	Nữ	TSHS có KQĐG	Nữ	TSHS có KQĐG	Nữ
I. Kết quả học tập											
1. Tiếng Việt	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	349	62	37	72	43	70	38	82	47	63	33
Hoàn thành	270	49	17	49	22	53	19	63	24	56	23
Chưa hoàn thành	5	4	3			1					
2. Toán	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56

Hoàn thành tốt	353	62	37	73	44	70	38	85	47	63	33
Hoàn thành	265	49	17	47	21	53	19	60	24	56	23
Chưa hoàn thành	6	4	3	1		1					
3. Đạo đức	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	361	63	37	75	44	71	41	88	47	64	33
Hoàn thành	262	52	20	45	21	53	16	57	24	55	23
Chưa hoàn thành	1			1							
4. Tự nhiên và Xã hội	360	115	57	121	65	124	57				
Hoàn thành tốt	204	61	36	73	44	70	40				
Hoàn thành	154	54	21	47	21	53	17				
Chưa hoàn thành	2			1		1					
5. Khoa học	264							145	71	119	56
Hoàn thành tốt	152							86	46	66	33
Hoàn thành	112							59	25	53	23
Chưa hoàn thành											
6. LS & DL	264							145	71	119	56
Hoàn thành tốt	156							91	51	65	33
Hoàn thành	108							54	20	54	23
Chưa hoàn thành											
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	369	62	36	73	43	73	40	94	53	67	34
Hoàn thành	255	53	21	48	22	51	17	51	18	52	22
Chưa hoàn thành											
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	378	61	36	73	44	79	45	98	55	67	34
Hoàn thành	246	54	21	48	21	45	12	47	16	52	22
Chưa hoàn thành											
9. Hoạt động trải nghiệm	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	356	61	36	74	44	73	41	84	46	64	33
Hoàn thành	267	54	21	47	21	50	16	61	25	55	23
Chưa hoàn thành	1					1					
10. Giáo dục thể chất	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	371	62	36	73	44	75	40	97	53	64	33
Hoàn thành	253	53	21	48	21	49	17	48	18	55	23
Chưa hoàn thành											
11. TH-CN (Công nghệ)	388					124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	227					73	41	89	48	65	33
Hoàn thành	160					50	16	56	23	54	23
Chưa hoàn thành	1					1					
12. TH-CN (Tin)	388					124	57	145	71	119	56

<i>học)</i>												
Hoàn thành tốt	232						71	39	94	52	67	33
Hoàn thành	155						52	18	51	19	52	23
Chưa hoàn thành	1						1					
13. Ngoại ngữ	388						124	57	145	71	119	56
Hoàn thành tốt	213						71	38	77	42	65	33
Hoàn thành	174						52	19	68	29	54	23
Chưa hoàn thành	1						1					
14. Tiếng dân tộc												
Hoàn thành tốt												
Hoàn thành												
Chưa hoàn thành												
II. Năng lực cốt lõi												
Năng lực chung												
Tự chủ và tự học	624	115	57	121	65		124	57	145	71	119	56
Tốt	353	61	36	72	43		70	38	85	47	65	33
Đạt	265	50	18	48	22		53	19	60	24	54	23
Cần cố gắng	6	4	3	1			1					
Giao tiếp và hợp tác	624	115	57	121	65		124	57	145	71	119	56
Tốt	359	61	36	72	43		73	39	88	47	65	33
Đạt	259	50	18	48	22		50	18	57	24	54	23
Cần cố gắng	6	4	3	1			1					
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	624	115	57	121	65		124	57	145	71	119	56
Tốt	352	61	36	72	43		72	38	82	45	65	33
Đạt	266	50	18	48	22		51	19	63	26	54	23
Cần cố gắng	6	4	3	1			1					
Năng lực đặc thù												
Ngôn ngữ	624	115	57	121	65		124	57	145	71	119	56
Tốt	351	61	36	72	43		71	38	82	45	65	33
Đạt	268	50	18	49	22		52	19	63	26	54	23
Cần cố gắng	5	4	3				1					
Tính toán	624	115	57	121	65		124	57	145	71	119	56
Tốt	357	62	36	73	44		70	38	87	47	65	33
Đạt	261	49	18	47	21		53	19	58	24	54	23
Cần cố gắng	6	4	3	1			1					
Tin học	388						124	57	145	71	119	56
Tốt	229						71	39	92	50	66	33
Đạt	158						52	18	53	21	53	23
Cần cố gắng	1						1					
Công nghệ	388						124	57	145	71	119	56
Tốt	230						74	42	90	48	66	33
Đạt	157						49	15	55	23	53	23

Cần cố gắng	1					1					
Khoa học	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	364	62	36	73	44	74	41	89	47	66	33
Đạt	258	53	21	47	21	49	16	56	24	53	23
Cần cố gắng	2			1		1					
Thẩm mĩ	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	377	61	36	73	44	78	43	98	54	67	34
Đạt	247	54	21	48	21	46	14	47	17	52	22
Cần cố gắng											
Thể chất	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	373	62	36	73	44	76	42	96	52	66	33
Đạt	251	53	21	48	21	48	15	49	19	53	23
Cần cố gắng											
III. Phẩm chất chủ yếu											
Yêu nước	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	423	70	37	80	47	80	44	123	63	70	36
Đạt	201	45	20	41	18	44	13	22	8	49	20
Cần cố gắng											
Nhân ái	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	410	65	37	80	47	78	43	119	62	68	34
Đạt	214	50	20	41	18	46	14	26	9	51	22
Cần cố gắng											
Chăm chỉ	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	364	62	36	73	43	72	39	89	49	68	34
Đạt	258	53	21	47	22	51	18	56	22	51	22
Cần cố gắng	2			1		1					
Trung thực	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	370	62	36	73	43	73	41	93	50	69	35
Đạt	253	53	21	47	22	51	16	52	21	50	21
Cần cố gắng	1			1							
Trách nhiệm	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Tốt	366	62	36	73	43	74	40	91	50	66	34
Đạt	256	53	21	47	22	49	17	54	21	53	22
Cần cố gắng	2			1		1					
IV. Đánh giá KQGD	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
- Hoàn thành xuất	146	25	16	24	16	33	19	34	17	30	20
- Hoàn thành tốt	199	36	21	48	27	37	19	45	27	33	13
- Hoàn thành	273	50	17	48	22	53	19	66	27	56	23
- Chưa hoàn thành	6	4	3	1		1					
V. Khen thưởng	216	37	21	44	30	40	23	44	22	51	27
- Giấy khen cấp trường	216	37	21	44	30	40	23	44	22	51	27

- Giấy khen cấp trên											
VI. HSDT được trợ giảng											
VII. HS.K.Tật	2					1				1	
VIII. HS bỏ học kỳ II	2					1				1	
+ Hoàn cảnh GĐKK										1	1
+ KK trong học tập											
+ Xa trường, đi lại K.khẩn											
+ Thiên tai, dịch bệnh											
+ Nguyên nhân khác	2					1				1	1
IX. Chương trình lớp học	624	115	57	121	65	124	57	145	71	119	56
Hoàn thành	618	111	54	120	65	123	57	145	71	119	56
Chưa hoàn thành	6	4	3	1		1					

- Khen thưởng học sinh: Hoàn thành xuất sắc 146em đạt tỷ lệ 23,3% HS tiêu biểu hoàn thành tốt: 109 em đạt tỷ lệ 17,4 %

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 119/119 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài:

Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách năm 2025:
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 150.000.000 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 14.604.266 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 14.604.266 đồng: đồng
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 1.067.000 đồng: đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm 14.670.503.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 8.472.543.198 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 121 đội viên mới trong năm học.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.
- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường, làm đồ chơi ngoài trời cho con em.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai
- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.
- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- Chi bộ trường có 29 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Xét cho 02 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

- Không

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.
- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.
- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.
- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường PTDTBT TH Phìn Hồ theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- UBND xã
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Quân

